VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 5413/QĐ-UBND	*Tây Ninh, ngày 31 tháng 3 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp tỉnh Tây Ninh có thành phần hồ sơ thay thế bằng dữ liệu dựa trên các Cơ sở dữ liệu

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia; Căn cứ Nghị định số 367/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 03/2025/TT-VPCP ngày 15/9/2025 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số nội dung của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 66.7/2025/NĐ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ quy định cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu;

Căn cứ Quyết định số 3458/QĐ-BTP ngày 10/12/2025 của Bộ Tư pháp về việc công bố dữ liệu hộ tịch và hướng dẫn kết nối, khai thác sử dụng dữ liệu hộ tịch thay thế giấy tờ trong giải quyết thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Sở Tư pháp tại Tờ trình số 1029/TTr-STP ngày 27/3/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp tỉnh Tây Ninh có thành phần hồ sơ thay thế bằng dữ liệu dựa trên các Cơ sở dữ liệu (*kèm theo phụ lục)*.

Điều 2. Giao Sở Tư pháp, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai thủ tục hành chính có thành phần hồ sơ thay thế bằng dữ liệu điện tử kèm theo hướng dẫn đầy đủ, cụ thể tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.

2. Triển khai thực hiện giải quyết thủ tục hành chính có thành phần hồ sơ thay thế bằng dữ liệu điện tử theo danh mục được công bố; không yêu cầu cá nhân, tổ chức cung cấp lại thành phần hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính đã có dữ liệu trong các Cơ sở dữ liệu.

3. Phối hợp với các cơ quan chức năng liên quan thực hiện việc tích hợp, kết nối Hệ thống thông tin giải quyết của ngành và thực hiện việc tái cấu trúc quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính đảm bảo cho việc khai thác, thông tin, dữ liệu thay thế theo đúng quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp, Thủ trưởng các sở ngành tỉnh, Chủ tịch UBND các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Cục Kiểm soát TTHC- Bộ Tư pháp;
- CT, PCT UBND tỉnh "VHXH";
- CVP, PCVP UBND tỉnh "VHXH";
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Lưu: VT.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Phạm Tấn Hòa

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ TƯ PHÁP TỈNH TÂY NINH CÓ THÀNH PHẦN HỒ SƠ ĐƯỢC THAY THẾ BẰNG DỮ LIỆU THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 66.7/2025/NQ-CP NGÀY 15/11/2025 CỦA CHÍNH PHỦ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 5413/QĐ-UBND ngày 31 / 3 /2026 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Tên TTHC	Mã số TTHC	Lĩnh vực	Mức độ DVC trực tuyến	Thành phần hồ sơ thay thế bằng dữ liệu	Nguồn dữ liệu
1	Bổ nhiệm công chứng viên	1.013803	Công chứng	Toàn trình	Văn bản đề nghị bổ nhiệm công chứng viên	Cơ sở dữ liệu Quốc gia về dân cư; Cơ sở dữ liệu hộ tịch
2	Đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản với tư cách cá nhân	1.002626	Quản tài viên	Toàn trình	Giấy đề nghị đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản với tư cách cá nhân.	Cơ sở dữ liệu Quốc gia về dân cư; Cơ sở dữ liệu hộ tịch; CSDL quản lý các chức danh bổ trợ tư pháp
3	Đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	1.001842	Quản tài viên	Toàn trình	Giấy đề nghị đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Cơ sở dữ liệu Quốc gia về dân cư; Cơ sở dữ liệu hộ tịch; CSDL quản lý các chức danh bổ trợ tư pháp; CSDL QG về doanh nghiệp
4	Thay đổi thành viên hợp danh của công ty hợp danh hoặc thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân của doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	1.008727	Quản tài viên	Toàn trình	Văn bản đề nghị thay đổi; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	CSDL quốc gia về đăng ký doanh nghiệp

5	Thủ tục yêu cầu trợ giúp pháp lý	2.000829	Trợ giúp pháp lý	Toàn trình	Giấy khai sinh	Cơ sở dữ liệu hộ tịch
6	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch, bản sao Giấy khai sinh	2.000.635	Hộ tịch	Toàn trình	Căn cước	Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư
7	Thủ tục xác nhận thông tin hộ tịch	2.002.516	Hộ tịch	Toàn trình	Căn cước	Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư
8	Đăng ký khai sinh	1.001.193	Hộ tịch	Toàn trình	Căn cước	Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư
9	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài	2.000.528	Hộ tịch	Toàn trình	Căn cước	Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư
10	Đăng ký lại khai sinh	1.004.884	Hộ tịch	Toàn trình	Căn cước	Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư
11	Đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài	2.000.522	Hộ tịch	Toàn trình	Căn cước	Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư
12	Đăng ký nhận cha, mẹ, con	1.001.022	Hộ tịch	Toàn trình	Căn cước	Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư
13	Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	2.000.779	Hộ tịch	Toàn trình	Căn cước	Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư
14	Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con	1.000.689	Hộ tịch	Một phần	Căn cước	Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư
15	Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	1.001.695	Hộ tịch	Một phần	Căn cước	Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư
16	Đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	1.004.772	Hộ tịch	Toàn trình	Căn cước	Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư

17	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	1.000.893	Hộ tịch	Toàn trình	Căn cước	Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư
18	Đăng ký kết hôn	1.000.894	Hộ tịch	Một phần	Căn cước	Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư
19	Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài	2.000.806	Hộ tịch	Một phần	Căn cước	Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư
20	Đăng ký lại kết hôn	1.004.746	Hộ tịch	Một phần	Căn cước	Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư
21	Đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài	2.000.513	Hộ tịch	Một phần	Căn cước	Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư
22	Đăng ký khai tử	1.000.656	Hộ tịch	Toàn trình	Căn cước	Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư
23	Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài	1.001.766	Hộ tịch	Toàn trình	Căn cước	Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư
24	Đăng ký lại khai tử	1.005.461	Hộ tịch	Toàn trình	Giấy chứng tử; căn cước	Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử; Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư
25	Đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài	2.000.497	Hộ tịch	Toàn trình	Căn cước	Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư
26	Đăng ký giám hộ	1.004.837	Hộ tịch	Toàn trình	Căn cước	Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư
27	Đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài	1.001.669	Hộ tịch	Toàn trình	Căn cước	Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư
28	Đăng ký chấm dứt giám hộ	1.004.845	Hộ tịch	Toàn trình	Căn cước	Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư

29	Đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài	2.000.756	Hộ tịch	Toàn trình	Căn cước	Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư
30	Đăng ký giám sát việc giám hộ	3.000.323	Hộ tịch	Toàn trình	Căn cước	Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư
31	Đăng ký chấm dứt giám sát việc giám hộ	3.000.322	Hộ tịch	Toàn trình	Căn cước	Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư
32	Thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc	1.004.859	Hộ tịch	Toàn trình	Căn cước	Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư
33	Thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc có yếu tố nước ngoài	2.000.748	Hộ tịch	Toàn trình	Căn cước	Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư
34	Ghi vào sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	2.002.189	Hộ tịch	Toàn trình	Căn cước	Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư
35	Ghi vào sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	2.000.554	Hộ tịch	Toàn trình	Căn cước	Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư
36	Ghi vào sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của	2.000.547	Hộ tịch	Toàn trình	Căn cước	Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư

	nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch)					
37	Đăng ký khai sinh lưu động	1.003.583	Hộ tịch	Một phần	Căn cước	Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư
38	Đăng ký kết hôn lưu động	1.000.593	Hộ tịch	Một phần	Căn cước	Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư
39	Đăng ký khai tử lưu động	1.000.419	Hộ tịch	Một phần	Căn cước	Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư
40	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	1.000.110	Hộ tịch	Toàn trình	Căn cước	Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử
41	Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	1.000.094	Hộ tịch	Một phần	Căn cước	Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư
42	Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	1.000.080	Hộ tịch	Toàn trình	Căn cước	Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư
43	Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	1.004.827	Hộ tịch	Toàn trình	Căn cước	Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư
44	Cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	1.004.873	Hộ tịch	Toàn trình	Căn cước	Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư

45	Cấp giấy xác nhận công dân Việt Nam ở trong nước đủ điều kiện nhận trẻ em nước ngoài làm con nuôi	1.003.198	Nuôi con nuôi	Toàn trình	Căn cước; Văn bản xác nhận tình trạng hôn nhân	Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử
46	Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước	2.001.263	Nuôi con nuôi	Một phần	Căn cước; Văn bản xác nhận tình trạng hôn nhân	Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử
47	Cấp giấy xác nhận công dân Việt Nam thường trú ở khu vực biên giới đủ điều kiện nhận trẻ em của nước láng giềng cư trú ở khu vực biên giới làm con nuôi	2.002.349	Nuôi con nuôi	Toàn trình	Căn cước; Văn bản xác nhận tình trạng hôn nhân	Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử
48	Ghi vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi việc nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	2.002.363	Nuôi con nuôi	Toàn trình	Căn cước	Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư
49	Thủ tục Cấp bản sao từ sổ gốc	2.000.908	Chứng thực	Toàn trình	Giấy khai sinh, giấy đăng ký kết hôn (Giấy tờ chứng minh quan hệ của người yêu cầu cấp bản sao từ số gốc (trong trường hợp người yêu cầu là người đại diện theo pháp luật, người đại diện theo ủy quyền của cá nhân, tổ chức được	Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử

					cấp bản chính; cha, mẹ, con; vợ, chồng; anh, chị, em ruột; người thừa kế khác của người được cấp bản chính trong trường hợp người đó đã chết) với người được cấp bản chính)	
50	Thủ tục Chứng thực giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	2001035	Chứng thực	Một phần	Bản sao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong trường hợp hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản đó	Cơ sở dữ liệu đất đai
51	Thủ tục Chứng thực di chúc	2001019	Chứng thực	Một phần	Bản sao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong trường hợp hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản đó	Cơ sở dữ liệu đất đai
52	Thủ tục Chứng thực văn bản từ chối nhận di sản	2001016	Chứng thực	Một phần	Bản sao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong trường hợp giao dịch liên quan đến tài sản đó	Cơ sở dữ liệu đất đai
53	Thủ tục Chứng thực văn bản phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	2001406	Chứng thực	Một phần	Bản sao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong trường hợp hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản đó	Cơ sở dữ liệu đất đai

54	Thủ tục Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ giao dịch	2000913	Chứng thực	Một phần	Bản sao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong trường hợp hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản đó	Cơ sở dữ liệu đất đai
55	Thủ tục thôi quốc tịch Việt Nam ở trong nước	2.002.036	Quốc tịch	Một phần	Giấy khai sinh	Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử
56	Thủ tục giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại cấp tỉnh	2.002.192	Bồi thường nhà nước	Một phần	Giấy tờ chứng minh nhân thân của người bị thiệt hại (Giấy khai sinh, Căn cước công dân hoặc căn cước)	Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử
57	Thủ tục giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại cấp xã	2.002.165	Bồi thường nhà nước	Một phần	Giấy tờ chứng minh nhân thân của người bị thiệt hại (Giấy khai sinh, Căn cước công dân hoặc căn cước)	Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử